

Bản án số: 03/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 11/5/2021

V/v Không công nhận quan hệ vợ chồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LAI CHÂU, TỈNH LAI CHÂU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Vân Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Thanh Bình

2. Ông Lê Liêm

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Hồng Phúc - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu tham gia phiên tòa: Bà Đồng Thị Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 52/2021/TLST - HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2021 về “Không công nhận quan hệ vợ chồng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Ngọc T (Nguyễn Văn T), sinh năm 1964.

Địa chỉ: Bản P, xã T, thành phố C, tỉnh Lai Châu. (Có mặt).

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1967

Địa chỉ: Bản P, xã T, thành phố C, tỉnh Lai Châu. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc ly hôn, bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa của ông Nguyễn Ngọc T là nguyên đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Thị L về chung sống với nhau theo sự sắp xếp của hai bên gia đình, có đến UBND xã Tam Đường, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu cũ (nay là xã San Thành, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu) để đăng ký kết hôn vào ngày 09/10/1987 tuy nhiên thời điểm đó ông bà chưa được nhận giấy đăng ký kết hôn. Đến ngày 10/10/1987 (âm lịch) ông bà được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Từ đó đến nay ông bà không liên hệ chính quyền địa phương để được nhận giấy đăng ký kết hôn. Trước khi ông T làm đơn ly hôn ra Tòa án có đến UBND San Thành, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu xin trích lục đăng ký kết hôn của ông với bà L mới biết trong sổ sách lưu trữ không có tên vợ chồng ông bà.

Ông T và bà L chung sống hạnh phúc với nhau được khoảng 5 năm thì xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, cách sống,

giữa hai vợ chồng không có tiếng nói chung, không khí gia đình nặng nề, tinh thần căng thẳng, dày vò đau khổ và bế tắc trong cuộc sống. Nhiều lúc có xảy ra tranh cãi, xô xát. Ông T và bà L đã tìm cách khắc phục tình trạng hôn nhân nhưng không có kết quả. Ông T và bà L đã sống ly thân với nhau từ cuối năm 2020 đến nay. Vì nhận thấy không còn tình cảm vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Nên ông T đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Lai Châu giải quyết cho ly hôn với bà Nguyễn Thị L.

Về việc nuôi con: Quá trình chung sống ông T và bà L có 04 con chung tên là Nguyễn Thị N, sinh ngày 21/9/1988, Nguyễn Thị Ph, sinh ngày 20/5/1990, Nguyễn Văn Tr, sinh ngày 10/12/1993 và Nguyễn Văn H, sinh ngày 10/12/1993 hiện các con đều đã thành niên, có khả năng tự chăm lo cho cuộc sống riêng nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: Ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của bị đơn bà Nguyễn Thị L: Theo bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bà L xác nhận về thời điểm chung sống, diễn biến quan hệ hôn nhân, mâu thuẫn vợ chồng như ông T trình bày. Ngoài ra bà cho rằng mâu thuẫn giữa ông T và bà thêm sâu sắc là do ông T có mối quan hệ với người phụ nữ khác ở bên ngoài. Vì thế cuộc sống của hai vợ chồng ngày càng căng thẳng, mâu thuẫn trở nên trầm trọng. Bà và ông T đã tìm cách khắc phục nhưng cũng không có kết quả gì. Thời gian sống ly thân của bà và ông T đúng như ông T trình bày. Vì vậy, ông T đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn bà nhất trí.

Về việc nuôi con và việc chia tài sản bà nhất trí với ý kiến của ông T là không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kết quả xác minh tại UBND xã San Thàng, thành phố Lai Châu, Phòng Tư pháp thành phố Lai Châu và nơi cư trú của ông Nguyễn Ngọc T và Bà Nguyễn Thị L (BL 40, 41, 42, 43, 44, 45) thể hiện: ông Nguyễn Ngọc T và bà Nguyễn Thị L chung sống như vợ chồng từ cuối năm 1987 tại xã Tam Đường, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu cũ (nay là xã San Thàng, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu), có được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Tại UBND xã San Thàng và phòng Tư pháp thành phố Lai Châu không có tài liệu lưu trữ thể hiện việc ông Nguyễn Ngọc T và bà Nguyễn Thị L có đăng ký kết hôn.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lai Châu phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật T tụng dân sự: Việc Tòa án thụ lý vụ án, quá trình chuẩn bị xét xử, tại phiên tòa Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật T tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật T tụng dân sự; Áp dụng Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986; khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 9/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; các Điều 271 và khoản 1 điều 273 Bộ luật T tụng dân sự năm 2015; khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử

dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016. Đề nghị tuyên: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc T:

1. Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Nguyễn Ngọc T và bà Nguyễn Thị L.

2. Về việc nuôi con, cấp dưỡng nuôi con: ông T bà L không yêu cầu tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí: Ông Nguyễn Ngọc T phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Lai Châu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là tranh chấp Hôn nhân và gia đình về việc yêu cầu tuyên bố không công nhận là vợ là chồng giữa ông Nguyễn Ngọc T và bà Nguyễn Thị L, bà L có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại Bản Phan Lìn, xã San Thàng, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu.

[2]. Về quan hệ hôn nhân:

Ông Nguyễn Ngọc T và bà Nguyễn Thị L chung sống với nhau như vợ chồng vào tháng 10 năm 1987 (âm lịch) có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương. Ông T bà L không cung cấp được cho Tòa án giấy chứng nhận đăng ký kết hôn, kết quả xác minh của Tòa án tại UBND xã San Thàng và phòng Tư pháp thành phố Lai Châu cho thấy không có tài liệu lưu trữ thể hiện ông T bà L chung sống với nhau như vợ chồng có đăng ký kết hôn. Vậy không có căn cứ xác định hôn nhân của ông T bà L là hợp pháp.

Việc ông T và bà L không thực hiện các quy định của pháp luật khi chung sống với nhau mà không đăng ký kết hôn tại cơ quan chức năng có thẩm quyền là vi phạm Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986, vi phạm quy định tại điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35 của Quốc hội hướng dẫn thi hành luật hôn nhân gia đình năm 2000 (quy định nghĩa vụ đăng ký kết hôn đối với các trường hợp nam nữ sống chung như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn kể từ ngày 01/01/2001 cho đến ngày 01/01/2003). Xét đơn khởi kiện của ông T yêu cầu Tòa án cho ông và bà L ly hôn là có cơ sở. Vì vậy căn cứ Điều 9, Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 9/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Ngọc T.

[3] Về việc nuôi con: Con chung của các đương sự đều đã thành niên (đủ 18 tuổi) nên không yêu cầu tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về chia tài sản: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí: Ông Nguyễn Ngọc T phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986; khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 9/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016, tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc T.

[1]. Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Nguyễn Ngọc T và bà Nguyễn Thị L.

[2]. Về việc nuôi con: ông T bà L không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về tài sản chung, nợ chung: ông T bà L không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí: Ông Nguyễn Ngọc T phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2016/0000567 ngày 10 tháng 3 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo lên Tòa án cấp trên trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND thành phố Lai Châu;
- Các đương sự;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Lai Châu;
- UBND xã San Thàng, thành phố Lai Châu;
- Lưu hồ sơ - TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Hoàng Thị Vân Anh

